TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **2267**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/11/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Phước;

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 0725/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 463/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Lệ T

Địa chỉ: Đường D, Phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đỗ Phan Kỳ A

Địa chỉ: Cư xá Đ, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2018, các Bản tự khai và các biên bản lập tại Tòa án, nguyên đơn là bà Võ Thị Lệ T trình bày:

Bà tự nguyện kết hôn với ông Đỗ Phan Kỳ A, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, quận T vào ngày 23/10/2003. Ông Bà chung sống tại địa chỉ cư xá Đ, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn Bà phát hiện ông A mải mê ăn chơi, không chịu xây dựng sự nghiệp, chăm lo cho gia đình. Ông

A thường xuyên gây sự, đánh đập, bạo hành tinh thần Bà và các con. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn mong ông A từ bỏ tật xấu để cùng nhau xây dựng gia đình nhưng ông A vẫn không thay đổi, thường xuyên đánh chửi Bà. Từ tháng 02/2018 đến nay Ông Bà đã không còn sống chung. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ được nên Bà yêu cầu được ly hôn với ông A để ổn định tinh thần chăm lo cho các con.

Ông Bà có hai con chung tên Đỗ Hoàng Thụy K sinh ngày 5/11/2003 và Đỗ Hoàng Thụy N sinh ngày 11/7/2005. Bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Bà không nợ ai.

Bị đơn là ông Đỗ Phan Kỳ A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án trình bày ý kiến, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông A không đến Tòa án làm việc, không gửi cho Tòa án tài liệu, chứng cứ hay văn bản trình bày ý kiến nên không ghi nhận được ý kiến của ông B.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Đỗ Phan Kỳ A đã được tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập, thông báo, quyết định của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị Lệ T và ông Đỗ Phan Kỳ A; Về việc nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Đỗ Hoàng Thụy K sinh ngày 5/11/2003 và Đỗ Hoàng Thụy N sinh ngày 11/7/2005 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông A không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ giữa bà Võ Thị Lệ T và ông Đỗ Phan Kỳ A là quan hệ hôn nhân và gia đình được quy

định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, tại thời điểm thụ lý vụ án, ông B đang cư trú tại quận P nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

- Về các yêu cầu của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 193, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/10/2003 thể hiện hôn nhân giữa bà Võ Thị Lệ T và Đỗ Phan Kỳ A là hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, theo lời khai của bà T, sau khi kết hôn Bà phát hiện ông A mải mê ăn chơi, không chịu xây dựng sự nghiệp, chăm lo cho gia đình. Ông A thường xuyên gây sự, đánh đập, bạo hành tinh thần Bà. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông B vẫn tiếp tục không thay đổi, thường xuyên đánh chửi Bà. Từ tháng 02/2018 đến nay Ông Bà đã không còn sống chung.

Theo Công văn số 222/UBND ngày 12/7/2018 của Ủy ban nhân dân Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì Uỷ ban nhân dân Phường H chưa từng giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa bà Võ Thị Lệ T và ông Đỗ Phan Kỳ A nhưng trong suốt quá trình tố tụng bà T vẫn xác định không còn tình cảm với ông A.

Trong khi đó phía bị đơn là ông Đỗ Phan Kỳ A đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông A không đến Tòa án làm việc, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến hay tài liệu chứng cứ nào, điều này cho thấy ông A không có thiện chí hàn gắn, hòa giải, xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc. Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy bà T có nguyện vọng xin được ly hôn với ông A là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc nuôi con chung: Theo Bản tự khai của bà T và Giấy khai sinh (bản sao) số 15A quyển số 23/2005 do Uỷ ban nhân dân Phường C, Quận M Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/11/2005 và Giấy khai sinh số 16, quyển số 10/2004 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/02/2004 đã có đủ cơ sở xác định giữa bà Võ Thị Lệ T và ông Đỗ Phan Kỳ A có hai con chung là Đỗ Hoàng Thụy K sinh ngày 5/11/2003 và Đỗ Hoàng Thụy N sinh ngày 11/7/2005.

Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 56, đăng ký lần đầu ngày 18/3/2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Dịch vụ V, thì bà Thu hiện đang là Giám đốc Công ty TNHH Dịch

vụ V và là thành viên sở hữu 90% phần vốn góp. Hội đồng xét xử xét thấy bà T hiện có công việc ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên yêu cầu của bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là chính đáng, nhằm đảm bảo quyền lợi của trẻ, phù hợp với nguyên vọng của hai trẻ được ghi nhận tại Bản tự khai ngày 27/6/2018, nên có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 82, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T phù hợp với quy định pháp luật nên được ghi nhận.

Về phía bị đơn là ông A không đến Tòa cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu nuôi con của bà T nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông A.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà A phải chịu.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 48, các Điều 227, 235, 266, 267, 271, 273, 280 của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị Lệ T và ông Đỗ Phan Kỳ A.

2. Về việc nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Đỗ Hoàng Thụy K sinh ngày 5/11/2003 và Đỗ Hoàng Thụy N sinh ngày 11/7/2005 cho bà Võ Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đỗ Phan Kỳ A không cấp dưỡng nuôi con.

Ông A có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung chưa thành niên. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết bà T, ông A được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Võ Thị Lệ T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004413 ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Q. BThạnh;
- Chi cục THADS Q. T (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND P.B, Q. T;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Dũng